

Bản án số: 360/2026/HS-PT
Ngày 28-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Trần Tuấn S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Trần Tuấn S, sinh năm 1989 tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú: C chung cư H khu phố z, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: D đường D khu dân cư T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; chị lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1985; vợ Trần Kim N, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2018 nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2025, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn S:** Bà Trần Thị Kim H1 - Luật sư Công ty Luật MTV H1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8 năm 2024, Trần Tuấn S thuê phòng trọ số a, nhà trọ không số, tổ x, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Lê Thị L. Nguyễn Công H2 quen biết với S từ năm 2019. Giữa tháng 8 năm 2024, H2 xin S ở ghép và chia tiền phòng trọ cùng với S thì S đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 01/10/2024, H2 đón xe mô tô chở khách đến khu vực ngã 6 An Phú thuộc phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) để tìm người bán ma túy. Tại đây, H2 gặp một người đàn ông (không rõ tên và nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy loại đá với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và nhận được một túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01 cái nỏ thủy tinh để sử dụng ma túy. H2 mang ma túy về phòng trọ số 6 cất vào một túi khóa kéo nhỏ màu đen và để ở góc tường trên sàn nhà. H2 lấy nỏ thủy tinh gắn vào bình thủy tinh và ống hút để làm thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Tại thời điểm H2 mang ma túy về phòng trọ, không có S ở nhà.

Khoảng 15 giờ ngày 02/10/2024, Trương Ngọc L2 và Phan Quang V đến phòng trọ của S, H2 để chơi. Khoảng 30 phút sau thì S đi làm về. Lúc này, H2 lấy một ít ma túy từ túi khóa kéo nhỏ màu đen cho vào bộ dụng cụ, riêng ma túy còn lại H2 cất vào trong một túi khóa kéo nhỏ màu đen và để tại góc tường trên sàn nhà. Sau đó, H2 đốt ma túy trong nỏ thủy tinh rồi hút 01 hơi, sau đó đưa bộ dụng cụ bên trong chứa ma túy cho S hút. Hút xong S bỏ bộ dụng cụ xuống nền nhà, H2 đốt ma túy trong nỏ thủy tinh đưa cho V hút một hơi, V hút xong thì bỏ bộ dụng cụ xuống nền nhà. H2 tiếp tục đốt ma túy trong nỏ thủy tinh đưa cho L2 sử dụng thì hết ma túy nên L2 đi về, còn V, H2 nằm ngủ, riêng S đi làm.

Khoảng 08 giờ ngày 03/10/2024, Huỳnh Hữu H3 đến phòng trọ của H2, S chơi. Cùng lúc này, L2 cũng đến phòng trọ của H2. H2 lấy ma túy từ trong túi khóa kéo màu đen ra một gói nylon miệng kéo dính đổ một ít vào trong nỏ thủy tinh và châm lửa đốt để H2, V, L2 và H3 cùng sử dụng hết ma túy trong nỏ thủy tinh thì nghỉ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H2 lấy túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá để trong túi khóa kéo màu đen ra và đổ một ít vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, phần ma túy còn lại H2 để tại góc tường. H2 dùng lửa đốt ma túy trong nỏ để H2 sử dụng rồi H2 đưa cho V sử dụng rồi đến L2 và H3 cùng sử dụng hết số ma túy trong nỏ thủy tinh thì nghỉ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Lê Hoài Th và Đặng Trường D đến phòng trọ của H2 chơi. Khi Th và D vừa đến thì lực lượng Công an phường Tân Đông Hiệp kiểm tra hành chính tại phòng số 06 phát hiện và thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá để ở trên sàn nhà (gồm 01 bình thủy tinh gắn 01 ống hút và 01 nỏ thủy tinh).

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An ra Lệnh khám xét khẩn cấp phòng trọ số a, nhà trọ không số, tổ x, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện và thu giữ:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) bình thủy tinh, 01 (một) ống hút nhựa và 01 (một) nỏ thủy tinh.

- 01 (một) túi khoá kéo nhỏ màu đen bên trong có 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng;

- 04 (bốn) cây kéo;

- 01 (một) túi nylon màu đen bên trong có 50 túi nylon miệng kéo dính.

Tại Kết luận giám định số 4686 ngày 10/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong một túi nylon miệng kéo dính gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng: 7,4203 gam.

Tại Cáo trạng số 111/CT-VKS-KV16 ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Công H2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Tuấn S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo Nguyễn Công H2 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cả 02 tội là 14 (mười bốn) năm tù; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 02 năm 2026, bị cáo Trần Tuấn S kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Trong vụ án này, quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Trần Tuấn S không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo (bị cáo khai không nhớ). Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, xác

định giữa bị cáo S với Nguyễn Công H2, Trương Ngọc L2 có mối quan hệ bạn bè xã hội, cùng là những đối tượng sử dụng ma túy và không có mâu thuẫn gì với nhau. Bị cáo S tuy không cung cấp ma túy, bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho H2 cùng các đối tượng khác sử dụng nhưng nơi sử dụng ma túy là do bị cáo S trực tiếp thuê, trả tiền thuê và cùng H2 ở, quản lý. Ngày 02/10/2024, tại nơi ở của bị cáo S, bị cáo S cùng H2, L2 đã sử dụng trái phép chất ma túy, nên hành vi của bị cáo S vừa trực tiếp vừa đồng phạm với bị cáo H2 trong việc sử dụng nơi ở do mình quản lý để cùng với nhau sử dụng trái phép chất ma túy, gồm S, H2, L2. Do đó, bị cáo Trần Tuấn S phải chịu H2 quả pháp lý là bị truy cứu trách nhiệm hình sự với trách nhiệm tội phạm mà bị cáo đã thực hiện về hành vi của bị cáo Trần Tuấn S đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tuyên mức án 07 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tuấn S; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2026/HS-ST ngày 27/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người bào chữa cho bị cáo trình bày bài bào chữa trong đó có nội dung:* Theo đơn kháng cáo, bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung chính là truy tố bị cáo tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét chuyển khung cho bị cáo từ khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự xuống khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt đối với bị cáo. Trong vụ án này, cơ quan tiến hành tố tụng chưa chứng minh được vai trò tổ chức của bị cáo như: bị cáo là người khởi xướng, điều hành, chuẩn bị địa điểm, rủ rê các bị cáo, đối tượng nghiện sử dụng trái phép chất ma túy. Việc đánh giá chứng cứ còn phiến diện. Bản án sơ thẩm áp dụng khung hình phạt chưa đúng, hành vi của bị cáo rất mờ nhạt, bị cáo S không phải là người tổ chức chủ trì theo lời khai của Nguyễn Hữu H3 tại bút lục 39-41, Trương Ngọc L2 ở bút lục 46-49. Như vậy, bị cáo S không phải là người tổ chức, không chỉ đạo, không chuẩn bị ma túy, việc S chỉ là sử dụng ma túy cùng những người này.

Thứ hai, trong cáo trạng có sự suy diễn rằng bị cáo S thuê phòng trọ cho bị cáo H2, tuy nhiên, S có chỗ ở cùng vợ con, không có mâu thuẫn với vợ con, S chỉ thuê phòng trọ cho H2 ở, đây không phải là hình thức giúp sức cho hành vi phạm tội mà chỉ là giúp đỡ bạn bè. Cơ quan điều tra không chứng minh được S là người thường xuyên ngủ lại và sử dụng phòng trọ chung với H2, S chỉ khai là sử dụng ma túy chung với H2, V, L2 và H3. Đây là hành vi cùng sử dụng ma túy chứ không thể vì S thuê phòng trọ cho H2 mà lại buộc vào tội S tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Mặt khác, không có chứng cứ chứng minh bị cáo S có số điện thoại của H3 và gọi cho H3 đến sử dụng ma túy. Hành vi của S chỉ thỏa mãn tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời điểm bị bắt, S đi làm, không có mặt tại thời điểm đó nên không thể cho rằng S cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được. Bị

cáo S thuê giữ phòng trọ cho H2 có dấu hiệu tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” hơn là tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Trong vụ án, bị cáo không giữ vai trò chính, không mua ma túy, không chuẩn bị ma túy, địa điểm, không chỉ đạo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù trong khi H2 là người có vai trò chính thì bị xử phạt 08 năm 06 tháng thì chưa thể hiện được sự phân hóa vai trò đồng phạm.

Gia đình bị cáo là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Mặt khác, bị cáo có vai trò mờ nhạt, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu, có xu hướng cải tạo tốt, là lao động chính trong gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chuyển khung hình phạt cho bị cáo xuống khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm đến 03 năm tù.

** Bị cáo đồng ý với bài bào chữa và không tranh luận bổ sung.*

** Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:* Trong bản luận cứ của người bào chữa có nhiều mâu thuẫn, người bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” mà có dấu hiệu tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng lại xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo xác định kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

** Người bào chữa cho bị cáo đối đáp:* Người bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo có màu sắc tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng trong hồ sơ không có làm rõ, không phủ nhận việc bị cáo thuê nhà cho H2 nhưng không có chứng cứ chứng minh nên người bào chữa đưa ra các quan điểm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: trong ngày 02 và ngày 03 tháng 10 năm 2024, Nguyễn Công H2 đã có hành vi cung cấp ma túy, bộ dụng cụ sử dụng ma túy và sử dụng địa điểm là phòng trọ số a, nhà trọ không số, tổ x, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh của Trần Tuấn S và Nguyễn Công H2 để cho Trương Ngọc L2, Phan Quang V, Nguyễn Hữu H3, Trần Tuấn S và H2 cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, Nguyễn Công H2 còn có hành vi tàng trữ ma túy loại Methamphetamine khối lượng 7,4203 gam tại phòng trọ mục đích để sử dụng.

Đối với Trần Tuấn S trong ngày 02 tháng 10 năm 2024, Trần Tuấn S đã có hành vi sử dụng địa điểm là phòng trọ số a, nhà trọ không số, tổ x, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh của Trần Tuấn S và Nguyễn Công H2 thuê ở để cho Trương Ngọc L2, Nguyễn Công H2 và Trần Tuấn S cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi mà bị cáo Nguyễn Công H2 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255; Hành vi mà bị cáo Trần Tuấn S thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Công H2, Trần Tuấn S về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Tuấn S, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Hiện nay, tình hình tội phạm ma túy diễn ra hết sức phức tạp, ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, kinh tế và an ninh trật tự, là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không nặng, việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sẽ không đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội. Vì vậy, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cai nghiện, đồng thời có thể sửa chữa bản thân và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Ý kiến của người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1.1 Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tuấn S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 106 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1.3 Xử phạt bị cáo Trần Tuấn S 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2025.

2. Về án phí phúc thẩm: bị cáo Trần Tuấn S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân thành khu vực 16 - TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - TP.HCM;
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (cơ sở Dĩ An);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (76)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng